TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 02 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T (tên gọi khác là bà Bùi Thị V), sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/7/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T (tên gọi khác là bà Bùi Thị V) trình bày:

Bà là hàng xóm với bà Lâm Thị M cùng ở xóm 6, xã HL, huyện H. Bà M có vay tiền và nợ vàng góp hội của bà nhiều lần. Đến ngày 23/6/2017 hai bên chốt nợ lại tổng cộng số tiền vay là 38.000.000 đồng và nợ góp hội cả gốc và lãi là 7,2 chỉ vàng 9999. Hai bên có lập giấy biên nhận nợ do bà tự viết tay và bà M tự viết chữ xác nhận nội dung và ký tên. Nguồn gốc số tiền cho bà M vay là do

bà đi vay của người khác và một phần của gia đình bà; nguồn gốc số vàng là do bà M nợ góp hội vàng cho bà. Khi cho bà M vay thì chồng bà không biết nên bà không yêu cầu triệu tập chồng bà tham gia giải quyết việc đòi nợ.

Khi cho vay có nói miệng tính lãi vàng là 25.000 đồng/chỉ/tháng; lãi tiền theo Ngân hàng là 01%/tháng. Bà M đã trả được vài tháng sau đó không trả lãi nữa, do không ghi chép nên bà không nhớ. Từ khi viết giấy chốt nợ thì bà M không trả lãi lần nào và cũng chưa trả gốc.

Bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà M đều khất nợ và đã bỏ đi khỏi địa phương, đến nay không liên lạc được theo số điện thoại của bà M là 0944681602. Bà chỉ nghe thông tin bà M và gia đình vào tỉnh Bình Phước làm ăn, sinh sống nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Tại xóm 6, xã HL thì gia đình bà M vẫn còn 01 căn nhà cấp 4 nhưng khoá cửa không có người ở.

Nay yêu cầu bà Lâm Thị M phải trả cho bà số nợ gốc là 38.000.000 đồng và 7,2 chỉ vàng 9999. Tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu trả lãi nhưng nay bà xin rút yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả gốc. Bà không yêu cầu chồng bà M là ông Phạm Văn H phải liên đới trả nợ cùng bà M vì ông H bị câm điếc cũng không hỏi vay bà.

Bị đơn là bà Lâm Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ bằng các phương thức niêm yết công khai và đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng, không gửi văn bản ý kiến cho Toà án nên không ghi nhận được ý kiến của bà M đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 166, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T đòi nợ đối với bà Lâm Thị M; buộc bà Lâm Thị M có trách nhiệm trả nợp gốc cho bà Phạm Thị T số tiền 38.000.000 đồng và 7,2 chỉ vàng 9999. Bà Lâm Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết đòi nợ tiền cho vay và đòi nợ vàng góp hội đối với bị đơn bà Lâm Thị M có địa chỉ cư trú tại xóm 6, xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc rút yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T đã tự nguyện xin rút yêu cầu giải quyết về lãi do đó căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về lãi của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn: Căn cứ tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị T cung cấp là 01 bản gốc viết tay "Tờ ghi nợ ngày 23/6/2017" có nội dung bà Lâm Thị M vay 38.000.000 đồng và nợ góp hội vàng gốc và lãi là 7,2 chỉ vàng của bà Bùi Thị V (tức Phạm Thị T). Giấy biên nhận trên không ghi thời hạn trả nợ và lãi suất; có chữ ký, chữ viết của người vay là "Lâm Thị M - M". Bị đơn bà Lâm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng, Toà án đã liên lạc theo số điện thoại 0354279273 của anh Lâm Văn Vũ là con trai của bà M, anh Vũ đồng ý thông tin cho bà M biết theo yêu cầu của Toà án nhưng bà M vẫn cố tình vắng mặt, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định bà Lâm Thị M đã vay số tiền 38.000.000 đồng và còn nợ vàng góp hội là 7,2 chỉ vàng 9999 của bà Phạm Thị T là có thật. Đến nay bà Lâm Thị M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả nợ cho bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị M trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 166, 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với ông Phạm Văn H là chồng của bà Lâm Thị M nhưng không ký tên vào giấy biên nhận nợ tài sản của bà T. Bà T cũng thừa nhận ông H bị câm điếc bẩm sinh không hỏi vay bà, bà T cũng không yêu cầu ông H phải liên đới cùng bà M trả nợ cho nên không xem xét về trách nhiệm liên đới của ông H là phù hợp.

[6] Về lãi: Trong quá trình tố tụng, bà Phạm Thị T đã tự nguyện rút yêu cầu giải quyết lãi. Đến nay bị đơn bà Lâm Thị M vắng mặt, không có ý kiến gì về lãi đã trả do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về lãi của số tiền gốc vay là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Lâm Thị M có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Phạm Thị T không phải nộp án phí, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho bà T.

Tại thời điểm xét xử, giá vàng trung bình giữa mua vào và bán ra trên thị trường đối với loại vàng 9999 (24K) được xác định là: (5.360.000 đồng/chỉ + 5.440.000 đồng/chỉ) : 2 = 5.400.000 đồng/chỉ.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T (tên gọi khác Bùi Thị V) về việc đòi nợ đối với bà Lâm Thị M.

2. Buộc bà Lâm Thị M phải trả cho bà Phạm Thị T (tên gọi khác Bùi Thị V) số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng) và 7,2 (Bảy phẩy hai) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ yêu cầu trả nợ lãi của bà Phạm Thị T (tên gọi khác Bùi Thị V) đối với bà Lâm Thị M do rút yêu cầu.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Bà Lâm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.844.000đ (Ba triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại bà Phạm Thị T (tên gọi khác Bùi Thị V) số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0006349 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên